

Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thực hiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra

Thứ nhất, về quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra

Hiện nay, giải quyết bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra được thực hiện thông qua phương thức tự thỏa thuận của các bên, trọng tài hoặc khởi kiện tại Tòa án. Trong đó, khởi kiện tại Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp được hình thành từ lâu đời trong thực tiễn tố tụng dân sự. Ở Việt Nam cũng vậy, cùng với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khi các tranh chấp dân sự phát sinh với số lượng ngày càng lớn thì Tòa án là sự lựa chọn phổ biến trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên. Với quy trình tố tụng chặt chẽ cùng một bộ máy cưỡng chế thi hành và trên hết, Tòa án là một cơ quan công quyền đại diện cho Nhà nước, nên phương thức khởi kiện luôn được các bên tranh chấp ưu tiên hàng đầu khi việc thương lượng, thỏa thuận không đạt kết quả như mong muốn. Tuy nhiên, khác với các tranh chấp dân sự thông thường khác, trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại về môi trường, việc khởi kiện tại Tòa án được các bên tranh chấp hết sức e ngại, nhất là đối với đồng bào người dân bị thiệt hại do môi trường bị ô nhiễm, suy thoái.

Khởi kiện là quyền của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, một số quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng hiện nay đã gây ra không ít khó khăn cho người dân trong việc thực hiện quyền năng này, trong đó, nghĩa vụ chứng minh của chủ thể bị hại khi yêu cầu bồi thường thiệt hại là một ví dụ điển hình. Trong các vụ tranh chấp về bồi thường thiệt hại môi trường, khi không thỏa thuận được với đối tượng gây thiệt hại mà phải khởi kiện ra Tòa án thì khó khăn đầu tiên và lớn nhất mà người dân phải đối mặt theo luật định là phải có chứng cứ chứng minh mình bị thiệt hại, thiệt hại đó là do đối tượng vi phạm gây ra, thiệt hại đó là gì, ở mức độ nào, các chi phí hạn chế, khắc phục thiệt hại nếu có, yêu cầu đòi bồi thường ra sao... Trong khi đó, chứng minh thiệt hại môi trường là công việc đòi hỏi tính khoa học cao, thường những cơ quan chuyên môn mới thực hiện được và phải tốn những khoản chi phí không nhỏ nằm ngoài khả năng thực hiện của Nhân dân, đặc biệt là đối với những người nông dân nghèo khó - chủ thể bị thiệt hại phổ biến nhất bởi tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay. Đúng là bất kỳ người bình thường nào cũng có thể cảm nhận mối liên hệ

nguyên nhân – hệ quả giữa hành đơn kiện theo đúng trình tự pháp luật quy định. Theo đó, cho vi phạm và sự suy giảm chất lượng của môi trường xung quanh đó. Song, muốn buộc người có hành vi liên quan phải nhận trách nhiệm bồi thường một cách tâm phục, khẩu phục thì không thể đưa ra chứng cứ là sự cảm nhận, mà phải trình các bằng chứng khách quan, thuyết phục và Tòa án cũng chỉ xét xử dựa trên cơ sở các quy định pháp luật mà không thể đưa ra quyết định một cách cảm tính. Đây chính là nỗi khổ tâm của biết bao người dân đang gánh chịu những thiệt hại to lớn về nhiều mặt do ô nhiễm môi trường gây ra, nhưng họ cũng chỉ biết cam chịu, chấp nhận khi đứng trước những bất cập, phức tạp mà pháp luật đã đặt ra. Do vậy, cần có những quy định pháp luật phù hợp hơn nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người dân bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

Bên cạnh đó, vấn đề quyền khởi kiện của một tập thể nguyên đơn trong cùng vụ việc cũng đã thể hiện những điểm bất cập của pháp luật hiện hành. Hầu hết các vụ kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường xảy ra trên thực tế là những vụ việc có tính chất tương đồng nhau, thiệt hại do cùng một chủ thể gây ra và có số lượng nguyên đơn rất lớn. Trong khi đó, theo quy định của pháp luật dân sự, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự, và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện đơn yêu cầu đó. Như vậy, theo pháp luật dân sự, các chủ thể bị thiệt hại do ô nhiễm môi trường đều có quyền khởi kiện, bên gây thiệt hại ra Tòa án để đòi bồi thường với điều kiện họ phải trực tiếp gửi đủ tính chất vi phạm đối với số đông là tương tự nhau nhưng mỗi người dân phải trực tiếp đứng đơn khởi kiện và Tòa án sẽ tiếp nhận đơn, xem xét trong từng vụ kiện riêng lẻ. Chẳng hạn, trong vụ vi phạm pháp luật của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan (gọi tắt là Vedan), nếu 6.973 hộ nông dân bị thiệt hại đồng loạt khởi kiện đòi Vedan bồi thường thì sẽ có 6.973 đơn kiện cũng như 6.973 vụ kiện mà ngành tòa án phải xem xét, giải quyết. Giả sử, một cơ quan, tổ chức như Hội Nông dân... muốn đứng ra thay mặt những hộ dân này khởi kiện trong một vụ kiện chung thì Tòa án cũng không thể chấp nhận vì điều này là trái quy định pháp luật. Hoặc như vụ tàu Kasco của Công ty INC va vào cầu Cảng Sài Gòn Petro làm thất thoát một lượng dầu DO ra khu vực sông Đồng Nai gây thiệt hại nghiêm trọng đến nguồn lợi thủy sản, ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực. Sau đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu bồi thường một số thiệt hại trong đó có “thiệt hại đối với đánh bắt thủy sản cho khoảng 20 hộ dân làm nghề đăng đáy” và “thiệt hại lâu dài đối với nguồn lợi thủy sản tự nhiên”.

Thiệt hại thứ nhất là thiệt hại đối với các lợi ích của các chủ thể cụ thể và thiệt hại thứ hai chính là thiệt hại đối với môi trường¹. Thiệt hại thứ hai không là thiệt hại của riêng ai mà là thiệt hại cho chính môi trường còn thiệt hại thứ nhất chỉ liên quan đến những chủ thể riêng biệt (những hộ dân làm nghề đăng đáy). Đối tượng bị thiệt hại trong yêu cầu thứ nhất là những lợi ích hợp pháp của các hộ dân làm nghề đăng đáy còn đối tượng bị thiệt hại trong yêu cầu thứ hai chính là môi trường (không thuộc riêng ai nhưng lại là của tất cả mọi người, liên quan tới tất cả mọi người)². Do đó, Tòa án nhân không chấp nhận yêu cầu thứ nhất.

Những bất cập này sẽ gây ra khó khăn rất lớn cho các cơ quan tư pháp, nhất là đối với Tòa án. Bởi, nếu từng người dân đứng ra khởi kiện riêng lẻ thì số lượng vụ kiện mà Tòa án phải tiếp nhận chắc chắn sẽ rất lớn, trong khi hiện nay các Tòa sơ thẩm ở nước ta luôn trong tình trạng quá tải với các vụ việc tranh chấp ngày càng gia tăng. Đó là chưa kể đến những phức tạp trong việc viết đơn khởi kiện cũng như trong công tác thi hành án và sự tốn kém về thời gian, công sức của các bên tham gia tố tụng... Tất cả khó khăn đó đã làm cho quá trình khởi kiện trong các vụ án môi trường có số lượng chủ thể bị thiệt hại đông dường như không được giải quyết thỏa đáng khi các Tòa án có sự e ngại trong việc thụ lý đơn, lúng túng về phương thức giải quyết và trên hết là những người bị thiệt hại, khi đối mặt với quá trình tố tụng rắc rối, họ thường có xu hướng từ bỏ quyền lợi của mình.

Đồng thời, quy định trên cũng cho thấy pháp luật không bảo vệ được tối đa quyền lợi của người bị hại. Bởi, với yêu cầu buộc người bị hại phải trực tiếp gửi đơn kiện thì chỉ khi nào người bị thiệt hại tiến hành khởi kiện thì họ mới được xem xét bồi thường, ngược lại, nếu họ không thực hiện quyền khởi kiện thì dù có thiệt hại thực tế xảy ra, họ cũng chỉ được hưởng những

Kết quả của việc phục hồi, cải thiện môi trường sống của cộng đồng mà thôi. Có quan điểm cho rằng, đây là quy định chưa tính đến yếu tố đặc thù của các vụ tranh chấp, xung đột về môi trường. Do phạm vi ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường thường rất rộng, có thể lan sang nhiều địa phương, tác động đến hàng ngàn hộ gia đình, cá nhân nên không thể và không nhất thiết tất cả các nạn nhân đều

¹ Đỗ Văn Đại: Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận án, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, t. 2, tr. 386-389.

² Đỗ Văn Đại: Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận án, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, t. 2, tr. 405.

phải thực hiện quyền khởi kiện mà chỉ cần thông qua chế định đại diện thì xem như quyền khởi kiện của người bị hại đã được thực hiện và qua đó, khi tranh chấp được giải quyết, họ vẫn được bồi thường cho dù họ không thực tiếp đứng đơn khởi kiện³.

Thứ hai, về nghĩa vụ chứng minh của chủ thể bị thiệt hại

Theo quy định của pháp luật tố tụng, người có quyền lợi ích bị xâm phạm có trách nhiệm cung cấp chứng cứ và chứng minh⁴. Trên thực tế, quy định này nhiều khi lại rất khó khăn khi thực hiện, nhất là trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra. Bởi, những thiệt do hành vi xâm phạm môi trường gây ra không chỉ là những tổn thất trước mắt đã hoặc chắc chắn sẽ xảy ra, mà nó còn bao gồm những nguy cơ mang tính chất tiềm ẩn kéo dài trong một khoảng thời gian về sau. Vì vậy, việc xác định những thiệt hại môi trường này là hết sức khó khăn, đòi hỏi trình độ khoa học của các cơ quan chuyên ngành mới có thể thực hiện được. Theo đó, phía chủ thể gây hại thường lợi dụng “điểm yếu” trên của pháp luật để trốn tránh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Chẳng hạn, họ thường yêu cầu phía nguyên đơn trong vụ kiện phải chứng minh được thiệt hại cũng như mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại đó với hành vi xâm phạm môi trường mà họ đã gây ra. Rõ ràng, yêu cầu này đã nằm ngoài khả năng của chủ thể bị hại, đặc biệt là trong bối cảnh các quy định pháp luật về chứng minh thiệt hại trong lĩnh vực môi trường còn nhiều hạn chế như hiện nay. Chính vì vậy, khi đối mặt với các vụ kiện như thế này, người bị thiệt hại thường thất bại hoặc nếu may mắn giành được phần thắng” trên bàn đàm phán hay tại phiên tòa thì họ cũng chỉ có thể được “hỗ trợ một phần chi phí rất nhỏ bé so với những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế.

Bên cạnh đó, pháp luật về bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường hiện hành chưa thống nhất được cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng giám định thiệt hại môi trường. Điều này đã dẫn đến trường hợp trong cùng một vụ kiện, việc giám định phải thực hiện nhiều lần bởi nhiều cơ quan giám định với các kết quả giám định rất khác nhau. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng

³ Vũ Thu Hạnh và các đồng nghiệp trường đại học Luật Hà Nội: Báo cáo về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường tại Việt Nam. Cơ sở pháp lý và quy trình thực hiện, Trung tâm con người và thiên nhiên, Hà Nội, 2009, tr.16.

⁴ Điều 6, Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

thường xuyên có sự tranh cãi giữa các bên về mức bồi thường thiệt hại trong các vụ việc liên quan, làm cho việc giải quyết các tranh chấp về bồi thường thiệt hại môi trường thường kéo dài.

Như vụ việc tàu Kasco của Công ty INC va vào cầu cảng của Công ty Petro, Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí khảo sát điều tra đánh giá mức độ thiệt hại với lý do “cả nguyên đơn và Trung tâm nghiên cứu phát triển an toàn và môi trường dầu khí đều không có hợp đồng dịch vụ, phía Trung tâm cũng không có yêu cầu gì đối với bị đơn. Đây cũng không phải là chi phí tham gia ứng cứu khắc phục sự cố, cũng không phải chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Nên không có cơ sở để buộc phía bị đơn phải bồi thường”. Tòa án cũng không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí tư vấn pháp luật giải quyết vụ án “do không có căn cứ pháp luật”.

Thứ ba, về trách nhiệm của chủ thể gây ô nhiễm. Thực tế, các chủ thể gây ô nhiễm chạy theo lợi nhuận đã bất chấp mọi thủ đoạn để thực hiện hành vi xâm phạm môi trường, gây ra những thiệt hại to lớn về tính mạng, sức khỏe và tài sản cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực bị ô nhiễm. Trong hầu hết các vụ việc xâm phạm môi trường xảy ra trên thực tế, khi bị phát hiện, bị Nhân dân khiếu nại, thì thái độ đầu tiên của các doanh nghiệp đó là trốn tránh trách nhiệm. Đến khi nào các cơ quan chức năng hoặc người dân đưa ra bằng chứng rõ ràng, cụ thể thì lúc đó họ mới thừa nhận. Tuy nhiên, từ lúc xác nhận hành vi gây thiệt hại đến khi họ nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại cách nhau một khoảng thời gian rất xa và họ thường tìm cách kéo dài thời gian cho đến khi bên khiếu nại mệt mỏi, chán nản với quá trình thương lượng để rồi cuối cùng đưa ra mức bồi thường không tương thích. Những biểu hiện coi thường pháp luật, thiếu trách nhiệm đối với thiệt hại đã gây ra cho môi trường tự nhiên không còn là câu chuyện lạ trong thực tiễn thực thi pháp luật bồi thường thiệt hại về môi trường. Chính thái độ, lối suy nghĩ vô trách nhiệm của các cơ sở xâm phạm môi trường đã gây bức xúc rất lớn trong dư luận bấy giờ nay, đòi hỏi Nhà nước cần đưa ra các chế tài thật mạnh mẽ cùng biện pháp pháp lý thật cứng rắn để răn đe những chủ thể này. Qua đó, nâng cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bồi thường thiệt hại vực môi trường nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi của trong linh công dân.

Thứ tư, khó xác định nguyên nhân gây ra thiệt hại, mức bồi thường mà chủ thể bị thiệt hại nhận được thường rất thấp so với mức thiệt hại đã xảy ra trên thực

tế. Thực tế, xuất phát từ tính phức tạp của việc xác minh thiệt hại trong bối cảnh trình độ cán bộ cũng như các phương tiện kỹ thuật liên quan đến việc đánh giá, thống kê thiệt hại môi trường ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Việc gây ô nhiễm một vùng rộng lớn thường không chỉ do một chủ thể nào mà thường liên quan đến nhiều chủ thể và trong những trường hợp này, việc xác định tất cả các chủ thể gây thiệt hại đã là một công việc không hề đơn giản, huống chi xác định cụ thể mức độ lỗi, phạm vi gây thiệt hại của mỗi chủ thể để phân hóa trách nhiệm bồi thường. Chúng ta chưa thu thập được những cơ sở vững chắc cho việc chứng minh toàn bộ thiệt hại xảy ra để buộc chủ thể gây hại phải bồi thường thỏa đáng. Ngoài ra, những hạn chế về mặt pháp luật liên quan đến căn cứ, cách thức xác định thiệt hại môi trường cũng là một nguyên nhân không kém phần quan trọng. Chúng ta chưa tạo ra được những căn cứ pháp lý rõ ràng cho việc định giá thiệt hại, nên trong các vụ tranh chấp, mức thiệt hại mà người dân đưa ra thường vấp phải Sự phản ứng mạnh mẽ từ chủ thể gây hại. Và do sự yếu thế về căn cứ pháp lý nên trong cuộc tranh cãi đó, phân thắng thường nghiêng về chủ thể gây thiệt hại. Trong khi hầu như chưa nhận được sự hỗ trợ tích cực nào từ phía chính quyền các cấp, thì người dân đành phải chấp nhận mức bồi thường rất ít ỏi so với mức thiệt hại thực tế mà họ phải gánh chịu với phương châm “có còn hơn không”; ví dụ như vụ một hộ dân bị thiệt hại hơn 30 tấn cá với tổng giá trị hơn 800 triệu đồng do hành vi gây ô nhiễm môi trường của hai công ty Men Mauri Việt Nam và Công ty Cổ phần mía đường La Ngà (Đồng Nai) gây ra: “Nhận được 140 triệu tiền đền bù, chỉ đủ trả nợ lãi số tiền bị thiệt hại hơn một năm qua đã đi vay. Chẳng ai bảo vệ người nông dân “thấp cổ bé họng, xác định có theo kiện nữa cũng chẳng được gì mà thêm mất công sức. Thôi thì cứ coi như chấp nhận số không may..”⁵.

Thứ năm, việc giải quyết vấn đề “ hậu tranh chấp ” vẫn đang gặp nhiều rắc rối ở không ít các địa phương sau khi tiền bồi thường thiệt hại được chi trả. Do những hạn chế về hiểu biết pháp luật cũng như những kỹ năng cần thiết trong việc khiếu kiện môi trường ở Việt Nam, những người nông dân bị hại có xu hướng ủy quyền cho một tổ chức có tư cách pháp nhân đại diện cho mình tham gia khởi kiện. Theo đó, những tổ chức được người dân tin cậy thường là Ủy ban nhân dân, hay cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, các tổ chức đoàn thể... Tuy vậy, cùng với những đóng góp trong việc giúp dân đòi chủ thể gây ô nhiễm phải

⁵ Lan Phương: “Tan nát làng cá bè sau ô nhiễm ”, Tạp chí Pháp luật (06), 2009, tr. 6-8

bồi thường, thì trong thời gian qua, vấn đề điều phối tiền bồi thường cho các hộ dân bị thiệt hại cũng chưa tạo được sự đồng thuận trong cộng đồng, dẫn đến việc khiếu kiện này lại tiếp nối khiếu kiện khác, gây nên tình trạng bất ổn trong xã hội. Trên thế giới, hiện có hai quan niệm khác nhau về thiệt hại do ô nhiễm môi trường:

Một là, thiệt hại do ô nhiễm môi trường chỉ bao gồm thiệt hại đối với môi trường tự nhiên, như hệ động vật, thực vật, đất, nước, không khí... mà không gồm thiệt hại về người và tài sản.

Hai là, thiệt hại về môi trường không chỉ bao gồm các thiệt hại đến chất lượng môi trường mà còn bao gồm cả thiệt hại về sức khỏe, tài sản của cá nhân do ô nhiễm môi trường gây nên⁶.

Đối với dạng thứ nhất, chẳng hạn Cộng đồng chung châu Âu - EC quan niệm thiệt hại môi trường có nghĩa là sự thay đổi bất lợi về tài nguyên thiên nhiên hoặc cản trở đáng kể đến dịch vụ về tài nguyên thiên nhiên mà có thể xảy ra một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Thiệt hại về môi trường thường biểu hiện dưới các dạng cụ thể sau: i) Thiệt hại đối với những loài và môi trường sống tự nhiên cần được bảo vệ là bất cứ thiệt hại nào có ảnh hưởng xấu đáng kể đến việc đạt được hoặc duy trì tình trạng bảo tồn thuận lợi của môi trường sống hoặc loài đó...; ii) Thiệt hại về nước là bất kỳ thiệt hại nào ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hiện trạng sinh thái, hóa học và/hoặc định lượng, và/hoặc tiềm năng sinh thái; iii) Thiệt hại về đất là bất kỳ sự ô nhiễm đất nào gây ra nguy cơ đáng kể cho sức khỏe con người, bị ảnh hưởng xấu do kết quả của việc đưa trực tiếp phạm pháp luật môi trường tại Việt Nam. Cơ sở pháp lý và quy trình hoặc gián tiếp các chất, sản phẩm pha chế, các sinh vật hoặc sinh vật vào trong đất hoặc dưới mặt đất⁷.

Đối với dạng thiệt hại thứ hai, Nga, Nhật Bản, Ôxtrâylia là những quốc gia có cách tiếp cận tương đồng. Chẳng hạn tại Ôxtrâylia, ngoài những thiệt hại về môi trường, thiệt hại về sức khỏe, tài sản của cá nhân do ô nhiễm môi trường gây nên, các loại lợi ích về văn hóa, lợi ích về tình cảm, trí tuệ, lợi ích thẩm mỹ, giải trí (gọi chung là lợi ích phi vật thể) cũng được coi là một dạng thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra, trong đó lợi ích văn hóa bị xâm phạm thường phát sinh khi có

⁶ Vũ Thu Hạnh & các đồng nghiệp trường Đại học Luật Hà Nội: Báo cáo về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường tại Việt Nam. Cơ sở pháp lý và quy trình thực hiện, đđ, tr. 95, 96.

⁷ Điều 2 Chỉ thị số 2004/ 35/CE của Cộng đồng chung châu Âu về trách nhiệm môi trường liên quan đến việc ngăn ngừa và khắc phục thiệt hại môi trường.

những dự án phát triển được xây dựng trên các vùng đất tôn giáo... Tương tự, sự phiền toái và bức dọc của người dân do hằng ngày phải chịu tiếng ồn, độ rung quá mức từ phương tiện giao thông, hay tâm trạng buồn rầu do khung cảnh thiên nhiên thân thuộc bị tàn phá... được xem là những lợi ích về tình cảm và trí tuệ bị xâm phạm”⁸. Việt Nam có chung nhận thức về thiệt hại do ô nhiễm môi trường ở dạng này. Cho đến thời điểm này, Trung Quốc được xem là quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường mà Việt Nam có thể tham khảo. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường là một mối đe dọa nghiêm trọng và ngày càng gia tăng đối với sức khỏe con người và sinh kế ở Trung Quốc, trong khi chính quyền địa phương thường không tự nguyện thực hiện các biện pháp hiệu quả để ngăn chặn các doanh nghiệp thuộc địa bàn mình quản lý gây ô nhiễm, còn ở cấp trung ương, Cục bảo vệ môi trường quốc gia (SEPA) thiếu nhân sự trầm trọng và thiếu kinh phí hoạt động, thì tòa án là nơi mà công dân tìm đến để giải quyết tranh chấp bảo vệ môi trường. Từ năm 1998, số lượng các vụ khiếu kiện môi trường nộp tới tòa án đã có mức tăng trung bình hằng năm là 25%. Trong những năm gần đây, khoảng 100.000 khiếu kiện đã được nộp tại tòa án nhân dân là các vụ kiện về môi trường. Trung bình, các thẩm phán của tòa án nhân dân xét xử từ 1-3 % các khiếu kiện về môi trường. Trong năm 2006, Trung Quốc đã có 2.136 vụ khiếu kiện về môi trường được xét xử, năm 2005 là 1.545 vụ và năm 2004 là hơn 4.453 vụ khiếu kiện. Trong năm 2008, đã có hơn một triệu hành vi vi phạm bị xét xử, trong đó có 1.500 vi phạm pháp luật về môi trường. Trong thực tế, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có một số tính năng tích cực, làm cho yêu cầu bồi thường dễ thành công hơn: (1) Không cần chứng minh yếu tố lỗi; (2) Nghĩa vụ chứng minh được hoán đổi; (3) Thời hiệu khởi kiện dài hơn so với các vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại khác; (4) Được phép khiếu kiện tập thể (5) Hỗ trợ khiếu kiện; (6) Trong một số trường hợp, nguyên đơn được miễn án phí; (7) Tòa án khu vực có thẩm quyền giải quyết; (8) Vai trò của cơ quan truyền thông và các luật sư; (9) Khiếu kiện vì lợi ích công cộng và vấn đề về quyền khởi

⁸ Vũ Thu Hạnh & các đồng nghiệp trường Đại học Luật Hà Nội: Báo cáo về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi thực hiện, Tlđđ, tr. 98.

kiện; (10) Thành lập các tòa án môi trường; (11) Vai trò của viện kiểm sát, các tổ chức phi chính phủ về môi trường...⁹

Trong đó, các kinh nghiệm (1), (2), (4) có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong điều kiện hiện nay để thực hiện tốt chế định bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Đại: Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận án, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, t. 2
2. Vũ Thu Hạnh và các đồng nghiệp trường đại học Luật Hà Nội: Báo cáo về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường tại Việt Nam. Cơ sở pháp lý và quy trình thực hiện, Trung tâm con người và thiên nhiên, Hà Nội, 2009.
3. Lan Phương: “Tan nát làng cá bè sau ô nhiễm ”, Tạp chí Phía trước (06), 2009
4. Chỉ thị số 2004/ 35/CE của Cộng đồng châu Âu về trách nhiệm môi trường liên quan đến việc ngăn ngừa và khắc phục thiệt hại môi trường.

⁹ Vũ Thu Hạnh & các đồng nghiệp trường Đại học Luật Hà Nội Báo cáo về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường tại Việt Nam. Cơ sở pháp lý và quy trình thực hiện, Tlđd, tr. 103, 104.